

Số: 01 /QĐ-MN10A

Tân Bình, ngày 02 tháng 01 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 10A
V/v Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập nay là Nghị định số 16/2015-NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số nội dung qui định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2020 (giai đoạn 2019-2021) cho đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình;

Căn cứ vào biên bản họp hội nghị công chức, viên chức và người lao động của trường Mầm non 10A vào ngày 6 tháng 11 năm 2020 và ngày họp ngày 31/12/2020 về việc thảo luận và xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của trường Mầm non 10A;

Điều 2. Toàn thể Công chức, viên chức và nhân viên hợp đồng thuộc trường Mầm non 10A chịu trách nhiệm thi hành quyết định này;

Điều 3. Hiệu lực thi hành quy chế chi tiêu nội bộ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Tân Bình;
- Phòng TC-KH Tân Bình;
- Kho Bạc NN Tân Bình;
- Lưu: KT, VT.



QUY CHẾ

Chi tiêu nội bộ năm 2020

(Ban hành theo Quyết định số : 01/QĐ-MN10A ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Mầm non 10A)

CHƯƠNG 1 : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Những quy định chung:

Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và được giao quyền tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng tại trường Mầm non 10A là đơn vị sự nghiệp đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động.

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2020 (giai đoạn 2019-2021) cho đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình;

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm bao gồm các khoản chi thường xuyên và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật năm 2020.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho đơn vị và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường Mầm non 10A.

Điều 2: Mục đích yêu cầu của quy chế chi tiêu nội bộ:

1. Thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho cán bộ, viên chức của Trường;

2. Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Hiệu trưởng giúp cán bộ, viên chức của trường hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng biên chế và kinh phí trong nhà trường.

4. Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định;

5. Sử dụng tài sản, tài chính của trường đúng mục đích, có hiệu quả;

6. Tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 3: Nguyên tắc xây dựng quy chế :

1. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo trong hành lang pháp lý

Quy chế chi tiêu nội bộ do Hiệu trưởng ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn đơn vị. Quy chế chính thức phải được thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Trường;

2. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi đến Phòng Tài chính - kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, giám sát thực hiện; gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi;

3. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong Trường, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả, tăng cường công tác quản lý và phù hợp với hoạt động đặc thù của Trường;

4. Hiệu trưởng được quyết định mức chi quản lý và chi nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định (phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có của nhà trường đối với các nguồn thu sự nghiệp khác phát sinh tại trường);

5. Hiệu trưởng căn cứ tính chất công việc, khối lượng công việc tình hình thực hiện của năm trước, quyết định phương thức khoán chi phí cho từng cá nhân, bộ phận như: khoán công tác phí nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí của nhà trường;

6. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị, cá nhân phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật, trừ các khoản thanh toán công tác phí được Trường thực hiện chế độ khoán theo Quy chế chi tiêu nội bộ;

7. Không được dùng kinh phí của Trường để mua sắm thiết bị, đồ dùng, tài sản trang bị tại nhà riêng hoặc cho cá nhân mượn để sử dụng cho việc riêng dưới bất kỳ hình thức nào;

8. Trong trường hợp có sự thay đổi tiêu chuẩn, định mức chi theo chế độ từng khoản chi của nhà nước thì Hiệu trưởng có thể điều chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội nghị liên tịch.

9. Các tiêu chuẩn, định mức và nội dung chi đơn vị không xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: Các khoản thu hộ - chi hộ.

Điều 4: Phạm vi xây dựng quy chế

Quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng đối với nguồn kinh phí được giao để thực hiện chế độ chi thường xuyên.

Quy chế này áp dụng trong phạm vi của đơn vị thực hiện trong năm 2020.

Điều 5: Căn cứ pháp lý để xây dựng quy chế

- Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Nay là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập).

- Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự

chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 81/2006/TT-BTC ngày 06/09/2006 của Bộ Tài chính của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Thông tư 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước.

- Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của hội đồng nhân dân thành phố về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý.

- Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2020 (giai đoạn 2019 - 2021) cho đơn vị đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình;

Theo yêu cầu công việc, trong phạm vi nguồn kinh phí được sử dụng, QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ được xây dựng thống nhất như sau:

CHƯƠNG 2 : NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. THU – CHI HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ:

Điều 6. Nguồn thu hoạt động dịch vụ gồm:

❖ **Tồn năm trước chuyển sang:**

Học phí: 311.405.773 đ

- Trong đó 40% học phí làm nguồn CCTL 311.405.773 đ

Nguồn thu sự nghiệp: 48.295.690 đ

- Tổ chức phục vụ bán trú 9.421.960 đ

- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú 11.980.000 đ

- Công phục vụ ăn sáng 3.452.000 đ

- Vệ sinh bán trú	4.256.100 đ
- Năng khiếu	9.815.430 đ
- Tiếng Anh	7.218.200 đ
- Kỹ năng sống	2.152.000đ

❖ **Thu:**

1. Học phí	283.600.000đ
- Trong đó 40% học phí làm nguồn CCTL	113.440.000đ
2. Nguồn thu sự nghiệp (theo Kế hoạch thu, chi riêng đã thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo và thống nhất với từng phụ huynh học sinh).	
Tổng thu sự nghiệp	654.000.000đ
- Tổ chức phục vụ bán trú	216.000.000đ
- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	40.000.000đ
- Công phục vụ ăn sáng	162.000.000đ
- Vệ sinh bán trú	36.000.000đ
- Năng khiếu	112.000.000đ
- Tiếng Anh	40.000.000đ
- Môn kỹ năng sống	48.000.000đ

3. Thu từ hoạt động dịch vụ khác: Không có

Điều 7. Nội dung chi hoạt động sự nghiệp gồm:

1. Học phí:

- 40% tổng thu học phí dùng để trích cải cách tiền lương
- 60% tổng thu học phí còn lại được sử dụng như sau:
 - 30% tổng thu học phí: được dùng để chi hoạt động (thanh toán tiền điện, nước, sửa chữa, chi hoạt động chuyên môn, đóng thuế môn bài, thuế khác, chi phí khác...)

30% tổng thu học phí: được dùng để chi cho con người: chi hỗ trợ cho hoạt động trực tiếp và giảng dạy:

Cụ thể theo hệ số sau:

- * Công chức, viên chức và người lao động:
 - + Chi hỗ trợ trực tiếp giảng dạy và phục vụ giảng dạy :
Chi từ 100.000đ - 2.000.000đ/người/tháng
 - + Chi quản lý phí:
 - Hiệu trưởng : Từ 150.000đ - 500.000đ/tháng
 - Kế toán : Từ 100.000đ - 400.000đ
 - Thủ quỹ : Từ 50.000đ - 200.000đ

Số tồn sẽ trích lập quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm vào cuối năm. (nếu có)

2. Chi từ nguồn thu thỏa thuận: (theo kế hoạch thu, chi riêng đã thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo và thống nhất với từng phụ huynh học sinh)

- * **Chi nguồn tổ chức phục vụ bán trú:** 150.000đ/tháng * số cháu * 9 tháng
- + Chi công phục vụ bán trú : 90%-95% từ nguồn thu phục vụ bán trú.

Cách tính:

Bước 1: Lấy tổng số tiền trừ đi các khoản hỗ trợ trách nhiệm, kiểm nhiệm và gián tiếp:

Hỗ trợ các chức danh kiểm nhiệm:

- ❖ Thủ quỹ: 50.000đ - 100.000đ/người/tháng
- ❖ Thủ kho, tiếp phẩm : Từ 30.000đ - 50.000đ/người/tháng
- ❖ Thư ký HĐNT, Bí thư chi đoàn, BCH công đoàn, phổ biến pháp luật từ : 30.000đ - 50.000đ/người/tháng
- ❖ Trưởng ban thanh tra nhân dân: 50.000đ/ tháng/người

Bước 2: Ta trừ tiếp cho phần chênh lệch sĩ số học trò đóng tiền:

○ Vượt sĩ số theo điều lệ Mầm non:

Khối Nhà trẻ > 30cháu/lớp; Khối Mầm > 35cháu/lớp; Khối Chồi, Lá > 40cháu/lớp. Được cộng thêm 20.000đ/cháu/lớp (Số cháu dôi dư so với qui định)

Bước 3: Ta nhân số tiền còn lại theo hệ số công việc.

Hệ số công việc được tính như sau:

Chức vụ	Hệ số
Hiệu trưởng	1.6
Hiệu phó, kế toán	1.4
Giáo viên	Từ 1.15 - 1.5
NV nấu ăn, NVPV	Từ 1.0 - 1.1
Bảo vệ, VT, Y tế	Từ 1.0 - 1.1

Bước 4: Tính làm choàng và ngày nghỉ trong tháng

Người lao động nghỉ 1 ngày sẽ bị trừ 50.000đ/ngày/người hoặc nghỉ 1 buổi sẽ bị trừ từ 20.000đ – 30.000đ/ngày/người. Số tiền này được chi cho người làm choàng.

* Đối với Giáo viên nữ nghỉ thai sản trùng với 2 tháng hè:

Theo Công văn số 1125/NGVBQLGD – CSNGCB ngày 18/8/2017 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục về việc hướng dẫn giải quyết chế độ thai sản của giáo viên nữ có thời gian nghỉ thai sản trùng với thời gian nghỉ hè, sau khi hết thời gian nghỉ thai sản theo chế độ (6 tháng) sẽ được nhà trường tính như sau:

- Nếu nhà trường bố trí sắp xếp được thời gian nghỉ bù thì số ngày nghỉ bù bằng số ngày nghỉ phép hàng năm (Theo Điều 111 và 112 Bộ luật Lao động) là 12 ngày làm việc và cứ 5 năm làm việc thì số ngày nghỉ sẽ được tăng thêm tương ứng 1 ngày.

- Hoặc nếu nhà trường không sắp xếp được thời gian nghỉ bù thì giáo viên đi dạy lại sẽ được hưởng từ mức chi hàng tháng theo qui định và được hỗ trợ thêm từ 30.000đ – 50.000đ/ngày x 12 ngày nghỉ bù.

Số tồn 90% - 95% của công phục vụ bán trú sẽ chi vào cuối năm học (nếu có)

+ Chi hoạt động từ phục vụ bán trú : 5% - 8% từ nguồn thu phục vụ bán trú: Chi sửa chữa điện, bóng đèn, vòi nước, chi tiền điện, nước, truyền hình cáp, internet, mua văn phòng phẩm, mua đồ dùng chuyên môn, chi khác, khám sức khỏe, thuốc cháu...

2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

*** Chi nguồn công phục vụ ăn sáng:**

Số tiền: 6.000đ/ngày * số học sinh * số ngày học trong tháng * số tháng

Không hoàn trả khi học sinh nghỉ

Mức chi như sau (Theo danh sách phân công của Hiệu trưởng)

- Nhân viên nấu ăn > Giáo viên, Hiệu trưởng : Từ 30.000đ - 100.000đ/tháng
 - Giáo viên > Phó hiệu trưởng, kế toán : Từ 30.000đ – 100.000đ/tháng
 - Phó HT, Kế toán > NVPV, bảo vệ, VT, NV Y tế : 20.000đ – 70.000đ/tháng
- 2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

*** Học phí năng khiếu:**

60% chi trả giáo viên dạy năng khiếu: vẽ, võ, nhịp điệu.

30% chi CB-GV-NV tại trường phục vụ công tác học năng khiếu của trẻ:

Giáo viên hỗ trợ tại lớp: Từ 4.000đ – 7.000đ/ cháu/ lớp/tháng

Hiệu trưởng: Từ 150.000đ – 500.000đ/tháng

Phó Hiệu trưởng, kế toán: Từ 100.000đ – 400.000đ/người/tháng

Thủ quỹ, Văn thư: Từ 50.000đ – 200.000đ/người/tháng

Bảo vệ : Từ 30.000đ – 50.000đ/người/tháng

Từ 10% - 15% chi hỗ trợ cơ sở vật chất: điện, nước, mua giấy vẽ, sáp màu, đồ chơi, bảng biểu chuyên môn, trang phục văn nghệ, tổ chức hội thi vẽ tranh cho trẻ, trang bị bổ sung kệ lớp học, đồ chơi ngoài trời, các hoạt động chuyên môn...

2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

*** Học phí Anh văn (Theo đề án 448- Trẻ MN 5 tuổi làm quen tiếng Anh**

70% chi trả giáo viên dạy Tiếng Anh: anh văn theo hợp đồng đã ký kết.

20% chi quản lý phí lớp năng khiếu và CB, giáo viên, nhân viên tại trường phục vụ công tác học tiếng Anh

10% chi hỗ trợ cơ sở vật chất: điện, nước, mua giấy vẽ, sáp màu, đồ chơi, bảng biểu chuyên môn, trang phục văn nghệ, tổ chức hội thi vẽ tranh cho trẻ, trang bị bổ sung kệ lớp học, đồ chơi ngoài trời, các hoạt động chuyên môn, chi khác...

2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

*** Trang thiết bị vật dụng bán trú:**

Trang bị đồ dùng bán trú cho trẻ: tô, chén, muỗng, ly, bàn chải răng, gối, nệm, khăn mặt, kệ, khay....

Sửa chữa đồ dùng bán trú, tủ sấy chén, xe đẩy thực phẩm, sửa thang nâng thực phẩm.....

*** Vệ sinh bán trú:**

Mua đồ dùng vệ sinh: xà bông, nước rửa chén, giấy vệ sinh, thuốc xịt muỗi, kem đánh răng, bao rác, Javen, bao tay xốp.....

Xét nghiệm mẫu nước vi sinh, hóa lý

Thông cầu cống...

*** Môn Kỹ năng sống:**

- 90% chi hợp đồng giáo viên dạy trung tâm.

- 8% Chi CSVN, vật tư CM, đồ dùng phục vụ

* **Chi từ nguồn thu sự nghiệp:** (Nguồn học phí, trả công PVBT, công PV ấn sáng, năng khiếu...)

Nhân viên hợp đồng trường khoán từ 4.000.000 – 8.000.000 đ/ người / tháng và đóng bảo hiểm theo hệ số lương x mức lương cơ sở. (hệ số lương theo chức vụ, bảng cấp theo qui định)

.. Số tồn sẽ trích lập quỹ và chi trả thu nhập tăng thêm vào cuối năm. (nếu có)

3. Chi từ hoạt động dịch vụ khác: Không có

Điều 8: Chênh lệch thu chi hoạt động dịch vụ:

1. Học phí:

- Thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định.
- Trích 40% trên tổng số thu học phí để tạo nguồn cải cách tiền lương.
- Thực hiện chi theo hướng dẫn tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ: trường hợp chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm bằng hoặc nhỏ hơn một lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm, đơn vị được sử dụng để trả thu nhập tăng thêm cho người lao động (nếu còn)

2. Trích lập nguồn thu Học phí:

Thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với khoản chênh lệch thu, chi; sau khi trừ các chi phí có liên quan thực hiện trích 40% để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, sau đó thực hiện chi theo hướng dẫn tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. Trích lập toàn bộ số còn lại vào 4 quỹ theo tỉ lệ:

- + Quỹ bổ sung thu nhập (Mục 7951) : Từ 0,1% – 0,5%/năm
- + Quỹ phúc lợi (Mục 7952) : Từ 90% - 95%/năm.
- + Quỹ khen thưởng (Mục 7953): Từ 5% - 10%/năm.
- + Quỹ phát triển HDSN (Mục 7954) : Từ 2% - 5%/năm.

B. THU – CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN:

I. Thu hoạt động thường xuyên:

Điều 9: Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên gồm:

1. Ngân sách cấp (nguồn kinh phí thường xuyên):

a. Tồn năm 2019 chuyển sang: 633.743.664đ

Trong đó:

- Kinh phí nguồn 13: 234.548.602đ

- Kinh phí nguồn 14: 399.195.062đ

b. Kinh phí thường xuyên năm 2020: 4.649.757.000đ

Trong đó:

- Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14): 47.944.000đ
- Kinh phí thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14): 1.522.369.000đ
- Kinh phí tăng lương từ 1.210.000đ lên 1.490.000đ (14) 438.444.000đ
- Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13): 2.641.000.000đ

II. Chi hoạt động thường xuyên:

Điều 10: Các nội dung thanh toán cá nhân:

Tiền lương: mục 6000: Theo hệ số lương * Mức lương cơ sở

Phụ cấp lương: Mục 6100:

- Phụ cấp chức vụ : (Đối tượng được hưởng: ban giám hiệu, giáo viên, công nhân viên làm chức vụ tổ trưởng)

Hệ số: Hiệu trưởng: 0.35, phó hiệu trưởng: 0.25, tổ trưởng: 0.2

*Cách tính: Hệ số * mức lương tối thiểu*

Phụ cấp thêm giờ:

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức áp dụng quy định tại Điều 97, Điều 106 Bộ luật Lao động 2012 (có hiệu lực từ ngày 01/05/2013) và Điều 25 Nghị định số 05/2015 NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ, Điều 6 Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

+ Đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT/BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính.

Tiền lương của một tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ của nhà giáo, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

Định mức giờ dạy/năm đối với giáo viên mầm non được gọi chung là định mức giờ dạy/năm (Trừ 3 tháng hè)

Công thức tính tiền lương dạy thêm giờ:

a) Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy thêm;

b) Tiền lương 01 giờ dạy thêm = Tiền lương 01 giờ dạy x 150%;

c) Tiền lương 01 giờ dạy:

$$\text{Tiền lương 01 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy (dạy trẻ)}}{52 \text{ tuần}}$$

Tiền lương Tổng tiền lương 12 tháng trong năm học 35

$$1 \text{ giờ dạy} = \frac{\quad}{1.400} \times \frac{\quad}{52}$$

• Tiền lương 1 giờ dạy thêm = Tiền lương 1 giờ dạy x 150%

*** Phụ cấp thêm giờ: (nếu có kinh phí)**

Phụ cấp thêm giờ: thực hiện theo chi trả khi có quyết định phân công của Hiệu trưởng.

- Phụ cấp trách nhiệm : Đối tượng được hưởng: (Giáo viên hướng dẫn tập sự, kế toán trưởng, bảo vệ,)

Hệ số:

Giáo viên hướng dẫn tập sự: 0,3

Kế toán: Từ 0,1 - 0,2 (Theo QĐ bổ nhiệm KT trưởng)

Bảo vệ: 0,1

.. *Cách tính: hệ số quy định * mức lương tối thiểu.*

- Phụ cấp ưu đãi : Theo quy định hiện hành: (đối tượng được hưởng: ban giám hiệu và giáo viên):

*Cách tính: (HS lương + HS chức vụ + HS vượt khung) * mức lương tối thiểu * 35%.*

- Phụ cấp thâm niên nghề: theo quy định hiện hành: (Chênh lệch mức lương 280.000đ)

Đối tượng được hưởng: ban giám hiệu và giáo viên)

*Cách tính: (Hệ số lương + hệ số chức vụ + hệ số vượt khung) * tỷ lệ % thâm niên nghề * mức lương tối thiểu*

- Phụ cấp thâm niên vượt khung : Theo quy định hiện hành: (đối tượng được hưởng: mọi đối tượng)

.. *Cách tính: Hệ số lương * tỷ lệ % vượt khung * mức lương tối thiểu.*

- Các phụ cấp khác theo đúng qui định của ngành

Tiền thưởng: Mục 6200 : Theo **ND 91/2017/NĐ-CP** ngày 31 tháng 07 năm 2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng.

Cách tính tiền thưởng :

+ Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Quận” được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở

+ Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

Các khoản đóng góp: Mục 6300 : (các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn): Theo quy định hiện hành.

Các khoản thanh toán khác cho cá nhân: Mục 6400

- Chi trợ cấp khác:

- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán

bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý:

*** Đối với đối tượng là công chức, viên chức:**

- Căn cứ công văn số 4634/UBND-VX ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Quy định đánh giá, phân loại hàng quý (sửa đổi) đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 03 tháng 09 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

*** Mức chi trả thu nhập tăng thêm:**

Căn cứ Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của Hiệu trưởng trường Mầm non 10A (kèm Danh sách cụ thể từng người):

- Công chức, viên chức được đánh giá, phân loại **“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”** được hưởng mức hệ số TNTT x Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ (được xác định bao gồm lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung).

- Công chức, viên chức được đánh giá, phân loại **“Hoàn thành tốt nhiệm vụ”** được hưởng mức hệ số TNTT x 80% x Tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ (được xác định bao gồm lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung).

+ **Nguồn kinh phí thực hiện:** nguồn cải cách tiền lương của đơn vị (nguồn 14 và nguồn học phí cải cách tiền lương năm trước để lại).

*** Đối với đối tượng là Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.**

Thực hiện Công văn số 180/UBND-VX ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định việc thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 Chính phủ như sau:

- **Mức chi trả thu nhập tăng thêm:** Chi tối thiểu 3.000.000đ/người/quý đối với nhân viên đạt thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ thì được 80% của mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nếu chỉ hoàn thành hoặc không hoàn thành nhiệm vụ thì không được hưởng.

- **Thời gian chi trả :** chi trả 1 lần vào cuối năm sau khi đã trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định.

- **Nguồn kinh phí thực hiện:** Cân đối từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi thu nhập tăng thêm khi thực hiện theo cơ chế tự chủ (Nguồn kinh phí thường xuyên của đơn vị, nguồn chênh lệch thu chi từ học phí)

Điều 11: Các nội dung chi hoạt động

Nguồn kinh phí thường xuyên (nguồn 13)

Dịch vụ công cộng: Mục 6500

- Điện: Từ 40.000.000 - 65.000.000đ/năm
- Nước: Từ 30.000.000 - 40.000.000đ/năm
- Tiền rác, HĐ diệt chuột, muỗi : 15.000.000đ – 20.000.000đ/năm

Vật tư văn phòng: Mục 6550

- Văn phòng phẩm: Từ 10.000.000 - 15.000.000đ/năm
- Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng : 5.000.000đ – 8.000.000đ/năm
- Vật tư văn phòng khác: Từ 5.000.000 - 10.000.000đ/năm

Thông tin tuyên truyền – liên lạc: Mục 6600

- Điện thoại: Từ 1.200.000 - 2.500.000đ/năm
- Internet, truyền hình cáp: Từ 3.000.000 - 5.000.000đ/năm
- Sách báo, tạp chí: Từ 500.000 - 3.000.000đ/năm

Công tác phí: Mục 6700

Thực hiện theo các nội dung quy định Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, mức khoán công tác phí như sau:

- Văn thư, kế toán: 500.000đ/người/tháng

Chi phí thuê mướn: Mục 6750

- Thuê mướn khác (mé nhánh cây, sửa chữa nhỏ, thuê xe, công bốc vác chuyển trường, thuê xe cho cháu đi học các buổi ngoại khóa): Từ 15.000.000 - 40.000.000đ/năm
- Thuê đào tạo lại cán bộ: Từ 1.000.000 - 5.000.000đ/năm

Sửa chữa thường xuyên TSCĐ: Mục 6900

- Nhà cửa : 10.000.000 - 20.000.000đ/năm
- Thiết bị PCCC: 1.000.000 - 10.000.000đ/năm
- Thiết bị tin học: 3.000.000 - 6.000.000đ/năm
- Máy photocopy: 1.000.000 - 3.000.000đ/năm
- Máy bơm nước: 2.000.000 - 3.000.000đ/năm
- Bảo trì và hoàn thiện phần mềm : 8.000.000 - 10.000.000đ/năm
- Đường điện, cấp thoát nước: 1.000.000 - 10.000.000đ/năm
- Thông cầu cống nghẹt: 2.000.000 - 5.000.000đ/năm
- Khác: 5.000.000 - 10.000.000đ/năm

Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: Mục 7000

Thủ tục và trình tự mua sắm phải được thực hiện đúng quy định thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Các tổ lớp làm giấy đề xuất mua sắm, Phó Hiệu trưởng tổng hợp đồ dùng đồ chơi, thiết bị phục vụ dạy học, các đồ dùng thiết bị phục vụ khâu bán trú. Hiệu trưởng duyệt mua dựa trên kinh phí hiện có tại đơn vị Hiệu trưởng duyệt những thiết bị đồ dùng cần thiết mua.

Về nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức, phương thức mua sắm tài sản nhà nước: Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 2676/BTC-QLCS ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính về

hướng dẫn mua sắm tài sản từ nguồn NSNN và nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực tài chính trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

Về việc phân bổ kinh phí, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mua sắm tài sản nhà nước: Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn này của Bộ Tài chính.

Theo yêu cầu của từng nhóm lớp bộ phận sau được sự đồng ý xét duyệt của Hiệu Trưởng.

- Bảo hộ lao động cho nhân viên nấu ăn, NV phục : 300.000d/người/năm

- Chi khác (chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên môn ngành, chi mua hàng hóa, vật tư, quà khen thưởng cuối năm cho trẻ, màn cửa phòng học): 50.000.000d – 200.000.000d/năm

Chi khác : Mục 7750

Bảo hiểm cháy nổ : 2.000.0000 - 3.000.000d/năm

Điều 12: Chế độ nghỉ phép hàng năm:

Chế độ nghỉ phép hàng năm theo quy định tại thông tư 141/2011/TT- BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính.

Chế độ thai sản của giáo viên trùng với thời gian nghỉ hè thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 1125/NGCBQLGD-CSNGCB ngày 18 tháng 8 năm 2017 của cục nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Chế độ thai sản của giáo viên trùng với thời gian nghỉ hè:

Giáo viên nữ có thời gian nghỉ thai sản trùng với thời gian nghỉ hè thì sẽ được nhà trường bố trí thời gian nghỉ hằng năm theo quy định tại Điều 111 và Điều 112 Bộ Luật lao động hoặc thanh toán tiền nghỉ hằng năm (nếu do yêu cầu công tác, nhà trường không bố trí được thời gian nghỉ hằng năm cho giáo viên) theo quy định tại Điều 114 Bộ Luật Lao động.

Mức chi hỗ trợ, chi trả cho giáo viên trong trường hợp nhà trường không bố trí được thời gian nghỉ hằng năm cho giáo viên được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ Tài chính:

- + Hằng năm căn cứ khả năng nguồn kinh phí, căn cứ tổng số ngày chưa nghỉ phép năm của giáo viên; hiệu trưởng quyết định hỗ trợ tiền bồi dưỡng cho giáo viên chưa nghỉ phép năm hoặc chưa nghỉ đủ số ngày nghỉ phép năm.

- + Mức chi hỗ trợ: tối đa không quá mức tiền lương làm thêm giờ vào ngày thứ bảy, chủ nhật theo quy định hiện hành.

- + Thời gian chi trả: Được thực hiện một lần trong năm và được quyết toán vào niên độ ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 13: Sử dụng kinh phí tiết kiệm từ nguồn Ngân sách

Từ 80.000.000đ – 300.0000.000đ/năm

- Thu nhập tăng thêm cho người lao động : Từ 80.000.000đ – 200.000.000đ/năm

Tổng mức thu nhập tăng thêm của đơn vị không vượt quá 02 lần quỹ lương cấp bậc, chức vụ trong năm do Nhà nước quy định.

Bước 1: Hỗ trợ tăng thu nhập đời sống cho đối tượng hợp đồng trường, hợp đồng Quận : Từ 1.000.000đ – 12.000.000đ/người/năm. (Tùy thuộc nguồn kinh phí tiết kiệm cuối năm của Nhà trường).

Bước 2: Số tiền còn lại được tính như sau: (Gồm Công chức, viên chức và người lao động Quận)

Căn cứ vào kết quả xếp loại trên cơ sở xét thi đua từng năm học đã được phê duyệt của các cấp và chức vụ công việc cụ thể cho từng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng để tính thu nhập tăng thêm:

Thu nhập tăng thêm của cá nhân được tính như sau :

Mức lương tăng thêm = Kinh phí tiết kiệm / Tổng hệ số

*** Tính theo hệ số công việc, chức vụ: Trích từ 40% - 60%**

Hệ số tăng thu nhập: Tính 12 tháng

Hệ số thu nhập : 1.0

Hệ số chức vụ :

Hiệu trưởng: 0.4

Phó Hiệu trưởng, kế toán: 0.3

Chủ tịch công đoàn: 0.15

Bí thư chi đoàn, NV bảo vệ : 0.1

*** Tính theo hệ số hiệu quả công tác: Trích từ 30% - 50%**

Hệ số hiệu quả công tác : Tính 10 tháng (Trừ 2 tháng hè)

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ : 1.0

Hoàn thành nhiệm vụ: 0.85

Hoàn thành nhưng còn hạn chế trong chuyên môn : 0.7

Số tiền thu nhập tăng thêm = Hệ số x số tháng.

Đối với những trường hợp chuyển công tác do điều động, các trường hợp hộ sản và nghỉ việc, nghỉ hưu chỉ được tính TNTT những tháng trong năm có tham gia công tác, số tháng nghỉ hộ sản sẽ không được hưởng TNTT (Riêng trường hợp nghỉ việc thì thời gian công tác phải từ 6 tháng trở lên mới được TNTT).

Tất cả nội dung trên sẽ được hội đồng liên tịch và công đoàn quyết định.

Trích lập các quỹ sau khi chi trả TNTT: Từ 100.000.000đ – 200.000.000đ/năm

- Quỹ Phát triển HDSN (Mục 7954) : Từ 2% - 10%/năm

(Nếu chênh lệch thu – chi lớn hơn 01 lần quỹ tiền lương cấp bậc , chức vụ trong năm, mức trích tối thiểu là 25%)

- Quỹ bổ sung thu nhập (Mục 7951) : Từ 0,1% – 1%/năm

- Quỹ khen thưởng (Mục 7953) : Từ 5% - 20%/năm

- Quỹ Phúc lợi (Mục 7952) : Từ 90% - 95%/năm

Điều 14: Sử dụng các loại quỹ

Quỹ khen thưởng: Mục 7953

Chi khen thưởng cho CB-GV-NV trên cơ sở đánh giá xếp loại thi đua học kỳ của năm học. Chi khen thưởng đột xuất với những trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến trong hoạt động chuyên môn, thi đua phong trào, chuyên đề của ngành, quận, trường. Mức chi cụ thể như sau:

* Cá nhân đạt danh hiệu LĐTT các đợt thi đua trong năm học: được xét hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế theo từng học kỳ, được khen thưởng:

- Khen thưởng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 500.000đ – 1.000.000 đ/người/Học kỳ
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 250.000 - 500.000 đ/người/Học kỳ .
- Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực: 125.000 – 2500.000 đ/người./ Học kỳ.

- Không hoàn thành nhiệm vụ: Không thưởng

* Các trường hợp xuất sắc các phong trào, chuyên đề:

- Cá nhân : 50.000đ – 500.000đ/người
- Tập thể, tổ : 100.000đ – 2.000.000đ/chuyên đề (Phong trào)

* Các mức thưởng khác tùy thuộc vào tình hình thực tế của đơn vị. (nếu có)

Quỹ phúc lợi : Mục 7952

Tết Dương Lịch, 8/3, 30/4+1/5, 2/9, 20/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, khám sức khỏe CBGVNV, tổ chức tham quan hoặc nghỉ mát ..., mức chi cụ thể:

- Tết Nguyên đán : Từ 1.000.000đ – 1.500.000đ/người
- Tết Dương Lịch: Từ 100.000 - 200.000 đ /người.
- Lễ 8/3 Từ 100.000 - 200.000 đ /người.
- Lễ 30/4 +1/5: Từ 100.000 - 200.000 đ /người.
- Lễ 02/9: Từ 100.000 - 200.000 đ /người.
- Lễ 20/10: Từ 100.000 - 200.000 đ /người.
- Ngày Nhà giáo VN 20/11: Giáo viên từ 150.000 - 500.000đ/người; Khối gián tiếp từ 200.000đ – 700.000đ/ người.
- Khám sức khỏe CB.GV.NV: 100.000 đ - 300.000 đ/người/năm.
- Chi tổ chức tham quan hoặc nghỉ mát hè cho CBGVNV: 2.000.000đ – 5.000.000đ / suất / năm (tùy theo tình hình thực tế), chỉ chi cho CBGVNV có đăng ký tham quan và được hỗ trợ thêm tiền đi tham quan từ 500.000đ – 1.000.000đ/người.
- Trường hợp bảo vệ trực trường được hưởng 50% kinh phí tham quan.
- Các trường hợp thai sản hoặc bản thân nằm viện, tử thân phụ mẫu qua đời được con nhỏ dưới 1 tuổi được hưởng 500.000đ/người. Di học không được hưởng.

- Trường hợp đi tham quan nước ngoài theo quy định 1 BGH phải ở nhà sẽ hưởng 100%
- Các mức chi lễ tết, tham quan tùy tình hình thực tế của đơn vị nếu có kinh phí

Quỹ phát triển hoạt động sư nghiệp: Mục 7954

- Chi hỗ trợ học phí 100% tham gia do cấp trên tổ chức như kiến thức thức vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, bồi dưỡng 6-18th, sơ cấp cứu, các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn...

- Chi hỗ trợ học VB-GV-CNV học tập nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ chuyên môn các đợt học tập ngắn hạn, dài hạn của cấp trên. Căn cứ tình hình thực tế, hỗ trợ từ 10% - 20% mức đóng học phí, tùy trường hợp cụ thể.

- Chi đầu tư, tăng cường sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm tài sản : Trang bị mái hiên di động che nắng các phòng học (15.000.000đ) , trang thiết bị PCCC (Từ 1.000.000đ – 5.000.000đ), mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác nuôi - dạy....

Quỹ bổ sung thu nhập: Mục 7951

Mục đích để đảm bảo ổn định tương đối về thu nhập cho người lao động trong trường hợp kinh phí bị giảm sút, hỗ trợ người lao động nghỉ việc, giải quyết việc làm. Khi sử dụng thống nhất có sự xét duyệt của lãnh đạo, công đoàn cơ quan và công khai đơn vị.

CHƯƠNG 3

TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG VÀ CÁN BỘ , VIÊN CHỨC

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.
2. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề gì vướng mắc, chưa phù hợp, sẽ được Thủ trưởng đơn vị quyết định và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn đơn vị để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

CHƯƠNG 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Toàn thể CB-GV-NV nhà trường có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung xây dựng trong quy chế Chi tiêu nội bộ./.

TM, BCH Công Đoàn
Chức Trưởng Công Đoàn



Lê Thị Diệu

Ngày 02 tháng 01 năm 2020
Hiệu Trưởng



Lê Thị Minh Nguyệt

KẾ HOẠCH THU NĂM 2020

Đơn vị tính : đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH THU NĂM 2020			GHI CHÚ
		NGÂN SÁCH	NGOÀI NGÂN SÁCH	CỘNG	
I /	TỔNG ĐẦU NĂM 2019		606.189.255	606.189.255	
	- Ngân sách	-		-	
	- Học Phí: (40% CCTL)	-	311.405.773	311.405.773	
	- Thu sự nghiệp	-	48.295.690	48.295.690	
	- Các quỹ trích lập	-	246.487.792	246.487.792	
II /	NGÂN SÁCH CẤP NĂM 2020	4.649.757.000		4.649.757.000	(Số NS đã được phân bổ năm 2020)
III /	THU HỌC PHÍ	-	283.600.000	283.600.000	
I	Học phí chính khóa		283.600.000	283.600.000	
IV /	THU SỰ NGHIỆP		654.000.000	606.000.000	
1	Trang thiết bị vật dụng bán trú		40.000.000	40.000.000	
2	Công phục vụ bán trú		216.000.000	216.000.000	
3	Vệ sinh bán trú		36.000.000	36.000.000	
4	Năng khiếu		112.000.000	112.000.000	
5	Năng khiếu môn tiếng anh theo đề án 448		40.000.000	40.000.000	
6	Kỹ năng sống		48.000.000		
7	Công phục vụ ăn sáng		162.000.000	162.000.000	
	TỔNG CỘNG : (I + II + III + IV)	4.649.757.000	1.543.789.255	6.145.546.255	

Tân Bình ngày 02 tháng 01 năm 2020

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỜNG
MẦM NON
10A



NGUYỄN THỊ THÚY NGỌC

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Đơn vị tính : đồng

MỤC	TIỂU MỤC	NỘI DUNG	NĂM 2020		
			CỘNG	NGÂN SÁCH	HQC PHÍ + TSN
		Số CB, GV, CNV : 27 người			
		TỔNG CỘNG	5.564.382.000	4.649.757.000	985.895.000
		TIỂU NHÓM 0129 : THANH TOÁN CÁ NHÂN	4.677.892.350	4.114.212.350	563.680.000
6000		Tiền Lương	1.663.990.000	1.583.990.000	80.000.000
	6001	Lương theo ngạch , bậc theo quỹ lương được duyệt	1.361.345.000	1.331.345.000	30.000.000
	6051	Lương hợp đồng dài hạn	252.645.000	252.645.000	-
	6049	Lương khác	50.000.000	-	50.000.000
6050		Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	339.280.000	-	339.280.000
	6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	200.880.000		200.880.000
	6099	Tiền công khác	138.400.000		138.400.000
6100		Phụ cấp lương	525.213.000	519.613.000	5.600.000
	6101	Phụ cấp chức vụ	26.032.000	25.032.000	1.000.000
	6105	Phụ cấp thêm giờ	-	0	
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	420.329.000	418.829.000	1.500.000
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	7.752.000	7.152.000	600.000
	6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	41.115.000	38.615.000	2.500.000
	6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung	29.985.000	29.985.000	-
	6116	Phụ cấp hỗ trợ mầm non 25%	-		-
	6116	PC hỗ trợ thu hút GV mầm non	-		-
6200		Tiền thưởng	22.000.000	22.000.000	-
	6201	Thưởng thưởng xuyên	22.000.000	22.000.000	-
6250		Phúc lợi tập thể	-	-	-

6254	Tiền thuốc y tế	-	-	-	-
6299	Các khoản khác	-	-	0	-
6300	Các khoản đóng góp		413.040.350	394.240.350	18.800.000
6301	Bảo hiểm xã hội (17.5%)		307.583.850	293.583.850	14.000.000
6302	Bảo hiểm y tế (3%)		52.728.750	50.328.750	2.400.000
6303	Kinh phí công đoàn (2%)		35.151.500	33.551.500	1.600.000
6304	Bảo hiểm thất nghiệp (1%)		17.576.250	16.776.250	800.000
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		1.714.369.000	1.594.369.000	120.000.000
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc		192.000.000	72.000.000	120.000.000
6449	Nghị quyết 03		1.522.369.000	1.522.369.000	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác		-		-
	TIỂU NHÓM 0130 : CHI VỀ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ		500.145.650	357.600.650	218.815.000
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		99.000.000	87.000.000	12.000.000
6501	Thanh toán tiền điện		48.000.000	42.000.000	6.000.000
6502	Thanh toán tiền nước		36.000.000	30.000.000	6.000.000
6503	Thanh toán tiền nhiên liệu		-	0	
6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường		15.000.000	15.000.000	
6505	Thanh toán khoán phương tiện theo chế độ		-		
6549	Khác		-		-
6550	Vật tư văn phòng		25.000.000	25.000.000	-
6551	Văn phòng phẩm		12.000.000	12.000.000	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		8.000.000	8.000.000	
6553	Khoán văn phòng phẩm		-	-	
6599	Vật tư văn phòng khác		5.000.000	5.000.000	
6600	Thông tin truyền truyền liên lạc		9.000.000	9.000.000	-
6601	Cước phí điện thoại trong nước		2.500.000	2.500.000	
6105	Thuê bao cáp truyền hình		3.500.000	3.500.000	
6105	Cước phí Internet, thư viện điện tử		3.000.000	3.000.000	
6700	Công tác phí		12.000.000	12.000.000	-
6704	Khoán công tác phí		12.000.000	12.000.000	

6750		Chi phí thuê mướn	40.000.000	30.000.000	10.000.000
	6751	Thuê phương tiện vận chuyển	- 20.000.000	15.000.000	5.000.000
	6754	Thuê thiết bị các loại			
	6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	10.000.000	5.000.000	5.000.000
	6799	Khác	10.000.000	10.000.000	
6900		Sửa chữa TS, duy tu, bảo dưỡng từ KP thường xuyên	32.140.000	42.140.000	20.000.000
	6905	Thiết bị PCCC	10.000.000	5.000.000	5.000.000
	6907	Nhà cửa		15.000.000	15.000.000
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	6.000.000	6.000.000	
	6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	6.140.000	6.140.000	
	6921	Đường điện, cấp thoát nước	5.000.000	5.000.000	
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	5.000.000	5.000.000	
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	283.005.650	152.460.650	176.815.000
	7001	Vật tư, hàng hóa dùng cho chuyên môn	12.000.000	50.000.000	8.270.000
	7004	Đồng phục trang phục	2.000.000	2.000.000	-
	7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	-		-
	7049	Chi phí khác	269.005.650	100.460.650	168.545.000
		TIỂU NHÓM 0132 : CÁC KHOẢN CHI KHÁC	386.344.000	177.944.000	203.400.000
7700		Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách	-	-	-
	7701	Chi nộp ngân sách cấp trên	-		
	7749	Khác	-		
7750		Chi khác	152.944.000	57.944.000	90.000.000
	7757	Chi mua cây xanh	15.000.000	10.000.000	5.000.000
	7761	Chi tiếp khách	-		
	7799	Chi các khoản khác (CC tiền lương)	137.944.000	47.944.000	90.000.000
7950		Chi lập các quỹ của đơn vị	233.400.000	120.000.000	113.400.000
	7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập	2.334.000	1.200.000	1.134.000
	7952	Chi lập quỹ phúc lợi	140.040.000	72.000.000	68.040.000
	7953	Chi lập quỹ khen thưởng	74.688.000	38.400.000	36.288.000
	7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	16.338.000	8.400.000	7.938.000

	7000	Chi lập các quỹ khác	-	-	-
8000		Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	-	-	-
	8049	Khác (hỗ trợ nghề việc)	-	-	-

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thúy Ngọc

NGUYỄN THỊ THÚY NGỌC

Tân Bình, Ngày 02 tháng 01 năm 2020



LÊ THỊ MINH NGUYỆT

DANH MỤC SỬA CHỮA CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM 2020

Số TT	Hạng mục sửa chữa	Hiện trạng	Dự trù kinh phí	Ghi chú
1	Sửa chữa, bảo trì thiết bị tin học và máy photo		15.000.000	
2	Đường điện, cấp thoát nước		8.000.000	
3	Sửa chữa nhỏ khác		9140000	
			32.140.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm triệu đồng.

Tân Bình, Ngày 02 tháng 01 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Minh Nguyệt

DANH MỤC MUA SẮM TÀI SẢN - CÔNG CỤ DỤNG CỤ NĂM 2020
TỪ NGÂN SÁCH THƯỜNG XUYỀN VÀ QUỸ PTHDSN

Đơn vị tính : đồng

ST T	Tên trang thiết bị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn ngân sách (Nguồn 13)	Nguồn quỹ PTHDSN (trích lập từ đầu năm 2020)	Lý do trang bị
I	Thiết bị văn phòng :	-		-	-	-	
II	Phục vụ chuyên môn :	-		-	-	-	
III	Khác :						
1	Trang bị máy che di động lâu 1,2 (cái)	2	15.000.000	30.000.000	51.000.000	15.000.000	
2	Màn cửa sáo 6 phòng học (cái) (cửa sổ 10 cái x 7m/cái)	12	3.000.000	36.000.000	15.000.000	15.000.000	
	Tổng cộng	-		66.000.000	51.000.000	15.000.000	

Tân Bình, ngày 02 tháng 01 năm 2020



Lê Thị Minh Nguyệt

DỰ TOÁN KẾ HOẠCH THU CHI CÁC KHOẢN THU HỘ CHI HỘ VÀ THU THỎA THUẬN VỚI PHHS NĂM HỌC 2019 - 2020

- Căn cứ Công văn số 1428/GDDĐT Ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Phòng Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình về việc thu, sử dụng học phí và thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2019 - 2020.
- Căn cứ vào buổi họp Đại hội đại biểu Cha mẹ học sinh vào ngày 29/9/2019.
- Trường Mầm non 10A xây dựng dự toán kế hoạch thu chi các khoản thu hộ chi hộ và thỏa thuận với phụ huynh học sinh năm học 2019 - 2020 như sau:

A. THU HỘ - CHI HỘ:

	HỌC PHẨM, HỌC CỤ , ĐDDH	Thu 1 năm	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo năm học)	34.500.000		
1	Nhà trẻ: 30 cháu x 150.000đ	4.500.000		
2	Mẫu giáo: 150 cháu x 200.000đ	30.000.000		
II	Tổng chi		34.500.000	
1	Chi ăn phẩm, học cụ, sổ khám sức khỏe cháu		12.500.000	
2	Chi mua vật liệu làm ĐDDH, bọc nhựa sách		18.000.000	
3	Chi pho to tài liệu, sách, đĩa chuyên môn		4.000.000	

2	BỘ TÀI LIỆU ĐỔI MỚI TRONG TRƯỜNG MN THEO CHỈ ĐẠO CỦA SỞ GD & ĐT	Thu 1 năm	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu : Thu theo năm	35.500.000		
	- Nhà trẻ : 30 cháu x 65.000đ	1.950.000		
	MẦM : 40 cháu x 187.000đ	7.480.000		
	CHÔI : 40 cháu x 209.000đ	8.360.000		
	M LÁ : 70 cháu x 253.000đ	17.710.000		
II	Phần chi :		35.500.000	
	Chi mua tài liệu đổi mới trong trường mầm non theo chỉ đạo của Sở GD & ĐT		35.500.000	

	TIỀN ĂN TRƯA - XE	Thu 9 tháng	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu: (Thu theo tháng)	939.600.000		
	180 Cháu x 29.000đ/ngày x 20 ngày x 9 tháng	939.600.000		
II	Phần chi :		939.600.000	
1	Chi mua gạo, dầu, đường, sữa, nước mắm, muối, gas		100.000.000	
2	Chi mua thực phẩm thịt, cá , tôm, cua, rau, củ, quả...		839.600.000	

	TIỀN ĂN SÁNG CỦA HỌC SINH MÀM NON	Thu 9 tháng	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo tháng)	432.000.000		
	160 Cháu x 15.000đ/ngày x 20 ngày x 9 tháng	432.000.000		
II	Phần chi :		432.000.000	
1	Chi mua gạo, dầu, đường, sữa, nước mắm, muối, gas		55.000.000	
2	Chi mua thực phẩm thịt, cá , tôm, cua, rau, củ, quả...		377.000.000	

6	TIỀN NƯỚC UỐNG	Thu 9 tháng	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo tháng)	24.300.000		
	180 cháu x 15.000đ/ tháng x 9 tháng	24.300.000		
II	Phần chi :		24.300.000	
	Thanh toán tiền nước uống ion-life		24.300.000	

B. THU THEO THỎA THUẬN:

	VỆ SINH BÁN TRÚ	Thu 9 tháng	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo tháng)	32.400.000		
	180 cháu x 20.000đ/ tháng x 9 tháng	32.400.000		
II	Phần chi :		32.400.000	
1	Chi mua đồ dùng vệ sinh : Xà bông, nước rửa chén, giấy VS, thuốc xịt muỗi, đồ dùng vệ sinh khác		29.952.000	
2	Xét nghiệm mẫu nước		1.800.000	
3	Nộp 2% thuế TNDN		648.000	

	TIỀN MUA SẮM THIẾT BỊ, VẬT DỤNG PHỤC VỤ CHO HS BÁN TRÚ	Thu 1 năm	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo năm học)	36.000.000		
	180 cháu x 200.000đ/ Năm	36.000.000		

II	Phần chi :		36.000.000	
1	Chi mua đồ dùng bán trú: Khay cơm, chén(thay đổi chén nhựa), muỗng inox, dĩa, rổ, thớt...		14.280.000	
2	Chi mua đồ dùng bán trú: Nệm, gối, khăn trải bàn...		9.000.000	
3	Chi mua vật dụng VS: Chổi, cây lau nhà, thảm, khăn mặt, bàn chải đánh răng trẻ em...		8.000.000	
4	Sửa chữa đồ dùng bán trú (Sửa xe chuyển cơm, máy hấp cơm, máy hấp khăn, hàn quai nồi....)		4.000.000	
5	Nộp 2% thuế TNDN		720.000	

	TIỀN PHỤC VỤ BÁN TRÚ	Thu 9 tháng	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo tháng)	243.000.000		
	180 cháu x 150.000đ/ tháng x 9 tháng	243.000.000		
II	Phần chi :		243.000.000	
1	<i>Từ 90% - 98% chi công phục vụ bán trú:</i>		230.850.000	
	* Chi theo hệ số			
	Mức chia 1 hệ số bình quân từ 300.000đ - 1.500.000đ/tháng			
	(Tùy tình hình sĩ số cháu đóng)			
	Hiệu trưởng : 1.6			
	P.hiệu trưởng, kế toán : 1.4			
	Giáo viên : 1.15			
	CNV : 1.0			
	Thủ quỹ: 1.1			
	Hợp đồng trường: Từ 300.000đ - 1.200.000đ/người/tháng			
	Kiểm nhiệm:			
	<i>Bí thư CD, BCHCD, TT pháp luật : 30.000đ - 100.000đ</i>			
	<i>Thanh tra nhân dân: 30.000đ - 50.000đ/người/tháng</i>			
	<i>Thủ kho, tiếp phẩm : 30.000đ - 50.000đ/người/tháng</i>			

	Làm choàng: 50.000đ/ngày/người			
	Thư ký Hội đồng nhà trường: 30.000đ - 50.000đ/tháng			
	Vượt sĩ số theo điều lệ MN:NT: 1 trẻ x 20.000 đ/lớp/tháng			
	Người lao động nghỉ 1 ngày hoặc 1 buổi trừ từ 20.000đ - 50.000đ/người (Số tiền này được chi cho người làm choàng)			
2	Từ 2% -10% CSVC, vật liệu chuyên môn			
	Chuyên môn : Vật liệu CM, thuê xe chở cháu tham		4.290.000	
	gia các chương trình ngoại khóa, tiền thuốc cháu,			
	khám sức khỏe cháu, chi phí tiền điện, nước ...		3.000.000	
3	Nộp 2% thuế TNDN		4.860.000	

	NĂNG KHIẾU	Thu 8 tháng	Chi 8 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo tháng)	72.000.000		
	150 cháu x 60.000đ/ môn/ tháng x 8 tháng			
II	Phần chi :		72.000.000	
1	60% chi giáo viên dạy ở trung tâm		43.200.000	
2	30% cán bộ - giáo viên - nhân viên tại trường phục vụ công tác học năng khiếu		21.600.000	
	Giáo viên hỗ trợ tại lớp : Từ 4.000đ - 6.000đ/cháu/tháng			
	Hiệu trưởng: 150.000đ -500.000/tháng			
	Phó Hiệu trưởng, kế toán :			
	100.000đ - 400.000đ/người/tháng			
	Thủ quỹ : 50.000đ - 200.000đ/người/tháng			
	Bảo vệ : 30.000đ - 50.000đ/người/tháng			
3	- Giấy vẽ, bút màu, màu nước, cọ, giá vẽ, điện, nước...		5.760.000	
4	Nộp 2% thuế TNDN		1.440.000	

	MÔN TIẾNG ANH(theo đề án 448 -Trẻ MN 5 Tuổi làm quen Tiếng Anh)	Thu 8 tháng	Chi 8 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo tháng)	44.800.000		
	70 cháu x 80.000đ/môn/ tháng x 8 tháng	44.800.000		
II	Phần chi :		44.800.000	
1	70% chi giáo viên dạy ở trung tâm		31.360.000	
2	20% cán bộ - giáo viên - nhân viên tại trường phục vụ công tác học tiếng Anh		8.960.000	
3	8% CSVC vật tư đồ dùng phục vụ học tiếng anh(sửa bảng tương tác, điện v v ...)		3.584.000	
4	Nộp 2% thuế TNDN		896.000	

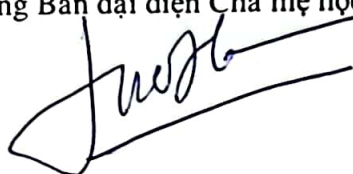
	MÔN KỸ NĂNG SỐNG	Thu 8 tháng	Chi 8 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo tháng)	44.800.000		
	70 cháu x 80.000đ/môn/ tháng x 8 tháng	44.800.000		
II	Phần chi :		44.800.000	
1	90% chi giáo viên dạy ở trung tâm		40.320.000	
2	8% CSVC, vật tư CM, đồ dùng phục vụ lớp học kỹ năng sống (Giấy, bút màu, điện...)		3.584.000	
4	Nộp 2% thuế TNDN		896.000	

	CÔNG PHỤC VỤ ĂN SÁNG	Thu 9 tháng	Chi 9 tháng	Tồn
I	Phần thu : (Thu theo tháng)	144.000.000		
	160 Cháu x 6.000đ/ngày x 20 ngày x 9 tháng	144.000.000		
			144.000.000	

	Phân chi :		144.000.000	
1	Chi lương theo mức:			
	Cấp dưỡng > Giáo viên, hiệu trưởng :			
	30.000đ - 100.000đ/người/tháng			
	Giáo viên > hiệu phó, kế toán :			
	30.000đ - 100.000đ/người/tháng			
	Hiệu phó, KT > Văn thư, NV y tế, bảo vệ, NV phục vụ			
	20.000đ - 70.000đ/người/tháng			
	Hợp đồng trường : Từ 300.000đ - 800.000đ/người/tháng			

Tân Bình, ngày 04 tháng 10 năm 2019

Trưởng Ban đại diện Cha mẹ học sinh



Nguyễn Trọng Tuệ

Hiệu trưởng



Lê Thị Minh Nguyệt

Số: 193/TTr-MN10A

Tân Bình, ngày 09 tháng 10 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc tổ chức các hoạt động năng khiếu trong nhà trường
Năm học 2019 - 2020**

Kính gửi :

- Ban lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình;
- Tổ Mầm non Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình.

Căn cứ Kế hoạch số 182/KH-MN10A ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Trường Mầm non 10A về kế hoạch năm học 2019 – 2020;

Theo nhu cầu của phụ huynh có mong muốn cho con em được tham gia học các lớp năng khiếu (nhịp điệu, vẽ), qua đó giúp trẻ thêm khỏe mạnh, mạnh dạn, tự tin, vui tươi, phát huy tính tự lập, óc sáng tạo.

Trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh, nhà trường nhà trường phối hợp với công ty năng khiếu Khánh An địa chỉ 77/8 xã Xuân Thới Thượng, Hóc Môn tổ chức dạy năng khiếu cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

Dự kiến tổ chức học vào tháng 10 năm 2019. Giờ học: Chiều từ 15g30 đến 16g30

Các loại hình năng khiếu như :

- Lớp nhịp điệu : Học chiều thứ hai và thứ tư
- Lớp Vẽ : Học chiều thứ ba và thứ năm

Dự kiến mức thu và mức chi như sau

Mức thu: Vẽ: 60.000 đồng/tháng

Thẻ dực nhịp điệu : 60.000 đồng/tháng

Mức chi : 10% chi hỗ trợ cơ sở vật chất, chuyên môn, điện, nước

90% chi trả lương hợp đồng giáo viên của cơ sở dạy năng khiếu, chi quản lý phí, bồi dưỡng giáo viên hỗ trợ lớp dạy năng khiếu.....

Kính trình Ban lãnh đạo xem xét tạo điều kiện cho nhà trường được mở lớp năng khiếu nhằm đáp ứng nhu cầu của phụ huynh./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT Q.TB;
- Tổ MN;
- Lưu VT.



TRƯỞNG

MẦM NON

10A

Lê Thị Minh Nguyệt

Đã xem *huyet*

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Xuân

Số: 183 /KH-MN10A

Tân Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2019

KẾ HOẠCH
Tổ chức cho lớp Tiếng Anh
Năm học 2019 - 2020

Căn cứ Quyết định 448/QĐ- UBND ngày 31/1/2012 của Ủy ban Nhân dân thành phố về “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020”;

Căn cứ Công văn số 1329/ UBND-VX ngày 03/04/2018 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tiếp tục triển khai thực hiện đề án “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp thành phố” giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 328/GDĐT-TrH ngày 30/01/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo; công văn 166/VP-VX ngày 11/4/2018 văn phòng HĐND-UBND Quận Tân Bình về tiếp tục triển khai thực hiện đề án “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp thành phố” giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 1428/GDĐT-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thu, sử dụng học phí và thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2019-2020,

Căn cứ điều kiện của thực tế trường Mầm non 10A xây dựng kế hoạch tổ chức tiếng Anh cho học sinh lớp Lá năm học 2018-2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Giúp trẻ làm quen, tạo tiền đề liên thông học tốt tiếng Anh khi học chương trình tiếng Anh ở bậc tiểu học.
- Thông qua làm quen với tiếng Anh ở mầm non, giúp cho trẻ phát âm chuẩn, tự tin tham gia các hoạt động, năng động trong giao tiếp, hứng thú khi học.
- Đáp ứng nhu cầu của các bậc phụ huynh học sinh trong việc cho trẻ làm quen với tiếng Anh.

II. NỘI DUNG

1. Trung tâm giảng dạy

- Tên trung tâm (trường hợp tác): Trung tâm ngoại ngữ Tân Văn
- Người đại diện: Đỗ Kỳ Công Điện thoại: 39212452
- Số lớp: 02 lớp.
- Số tiết: 2 tiết/ tuần/ lớp.
- Số tiền thu: 80.000 đồng/ học sinh/ tháng.
- Tài liệu: Chương trình Happy Hearts

2. Phần mềm giảng dạy: Không có.

3. Danh sách trích ngang số giáo viên giảng dạy

STT	Họ tên giáo viên	Năm sinh	Trình độ		Ghi chú
			Học vấn	Ngoại ngữ	
1	Nguyễn Minh Châu	1995	12/12	Cử nhân ĐHNN (Ngôn ngữ Anh) Chứng chỉ B1 Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	
2	Huỳnh Trần Chu Thiệp	1993	12/12	Cử nhân ĐHSP (Ngôn ngữ Anh). Chứng chỉ B2	
3	Cao Thị Ngọc Thúy	1994		Cử nhân ĐHSP (Ngôn ngữ Anh). Chứng chỉ B2	

Nơi nhận:

-Phòng GDĐT; Tổ PT (Cô Quỳnh Trâm)

-Lưu: VT.



ĐIỀU TRƯỞNG

Lê Thị Minh Nguyệt

DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG GDĐT

Nhà trường bổ sung hồ sơ GV

TRƯỞNG PHÒNG 7/10/2019



Trần Khắc Huy

Số: 191 /TT- MN10A

Tân Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2019

TỜ TRÌNH

**V/v Phối hợp với trung tâm kỹ năng sống Rồng Việt
Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh của trường**

Kính gửi: Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình.

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 ban hành quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 463/BGDĐT-GDĐT ngày 28/1/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng sống tại các cơ quan giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ vào điều kiện thực tế của trường Mầm non 10A, nay nhà trường kính trình Ban Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình cho phép nhà trường phối hợp với trung tâm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh năm học 2019 – 2020 như sau:

1/. Nội dung và phương pháp thực hiện:

Nhà trường thông báo cho phụ huynh và học sinh về việc phối hợp với trung tâm Rồng Việt giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong buổi hội nghị cha mẹ học sinh đầu năm học.

Ban giám hiệu xây dựng thời khóa biểu, liên hệ với trung tâm Rồng Việt để có thống nhất về nội dung, giáo viên và kinh phí tổ chức rồi gửi tờ trình xin phép Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường phối hợp với trung tâm Rồng Việt tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh 01 tiết/ tuần trong giờ chính khóa.

Thống nhất nội dung, chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và giáo viên do trung tâm Rồng Việt phụ trách (văn bản đính kèm)

2/. Thực hiện thu, chi:

Học phí: 80.000 VNĐ/học sinh/tháng

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện cho học sinh và đa dạng hóa các loại hình hoạt động giáo dục, đẩy mạnh công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh góp phần xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

Trường Mầm non 10A rất mong Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình chấp thuận cho nhà trường tổ chức tiết dạy kỹ năng sống cho học sinh trường năm học 2019 – 2020.



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 10A



KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2019-2020



Năm 2019

KẾ HOẠCH Năm học 2019 – 2020

Năm học 2019 - 2020 là năm học tiếp tục thực hiện tốt Chương trình hành động số 46-CTrHĐ/TU của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW; Hội nghị Trung ương 8 – Khóa XI về “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; nhằm đưa giáo dục và đào tạo nhanh chóng hội nhập khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố.

Căn cứ Kế hoạch số 1403/KH-GDĐT-MN ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình về Kế hoạch năm học 2019 – 2020 bậc học Mầm non;

Trường Mầm non 10A xây dựng Kế hoạch năm học 2019 – 2020 như sau

I. Đặc điểm tình hình

- Tổng số CBGVCMNV: 27 người (định biên giao 31).

Trong đó:

+ Ban giám hiệu : 02 người

+ Giáo viên : 16 người

+ Công nhân viên : 09 người

- Số lớp học 7 lớp

- Số học sinh 184 trẻ

+ Mẫu giáo : 157 trẻ/ 6 lớp (M: 41 trẻ/2 lớp, C: 45 trẻ/2 lớp, L: 71trẻ/2 lớp)

+ Nhà trẻ : 27 trẻ/ 1 nhóm

* Thuận lợi

Được sự chỉ đạo sâu sát của Ban Lãnh đạo và các phòng ban trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình.

Được sự tín nhiệm, hỗ trợ tích cực của các Ban ngành liên quan ở địa phương.

Đội ngũ CB – GV – CMNV ổn định, năng nổ, nhiệt tình, cầu tiến, có tinh thần trách nhiệm cao.

* Khó khăn

Trường đang học tại điểm học tạm không có sân chơi, thiết kế các phòng học không đạt chuẩn theo quy định, không thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt của trẻ.

II. Mục tiêu, định hướng

1. Tiếp tục giữ vững mục tiêu phát triển an toàn, bền vững, thúc đẩy hợp tác quốc tế, hội nhập với giáo dục mầm non trong khu vực với phương châm: “Tất cả vì trẻ em và vì sự phát triển của nhà trường”.

2. Nâng cao chất lượng đổi mới giáo dục mầm non, giảm tải cường độ lao động cho giáo viên, giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.

3. Tiếp tục hỗ trợ và củng cố chất lượng tại các nhóm trẻ ngoài công lập trên địa bàn phường.

4. Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức quy tắc ứng xử cho cán bộ quản lý và giáo viên nhân viên nhà trường.

5. Nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quản lý; tăng cường năng lực quản trị nhà trường, thực hiện tốt công khai dân chủ, đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ.

III. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Duy trì đảm bảo chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe và an toàn tuyệt đối cho trẻ. Tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường và tỷ lệ trẻ học bán trú, đặc biệt là trẻ 5 tuổi.

2. Thực hiện chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo về tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hoàn thiện cơ sở dữ liệu nhà trường.

3. Phát triển Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với văn hóa, điều kiện nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2016 – 2020” theo kế hoạch số 493/GDDT-MN và các chuyên đề khác.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường 10 tăng cường công tác quản lý các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

5. Tăng cường bồi dưỡng quy tắc ứng xử, đạo đức nhà giáo cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường.

6. Tiếp tục làm tốt công tác phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ, cộng đồng và tuyên truyền về đổi mới giáo dục mầm non.

7. Đẩy mạnh công tác phát hiện chẩn đoán, can thiệp sớm và xây dựng kế hoạch cá nhân cho trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường mầm non (nếu có).

8. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

IV. Biện pháp thực hiện

1. Duy trì đảm bảo chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe và an toàn tuyệt đối cho trẻ. Tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường và tỷ lệ trẻ học bán trú, đặc biệt là trẻ 5 tuổi

Tiếp tục thực hiện nghiêm Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT- BYT-BGDDT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học. Duy trì thực hiện mọi chế độ và quy định về dinh dưỡng, vệ sinh, phòng bệnh dịch. Tăng cường dạy trẻ kỹ năng tự bảo

vệ an toàn cho bản thân theo yêu cầu chương trình. Phần đầu trong năm học không để xảy ra tai nạn gây tử vong hay bị thương tích nặng; phòng chống bạo lực học đường và xâm hại trẻ em.

Thực hiện Chỉ thị số 505/CT-BGDDT ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Thực hiện các tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDDT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Tăng cường công tác kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo vệ sinh, an toàn. Quan tâm đầu tư thiết bị cho sân chơi và trong nhà vệ sinh của trẻ (nhà vệ sinh phải đảm bảo yêu cầu khô, thoáng, sạch đẹp, an toàn, bố trí trang thiết bị hợp lý, đáp ứng giáo dục kỹ năng vệ sinh theo yêu cầu chương trình).

Tham dự tập huấn nội dung chương trình giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo từ 3 – 5 tuổi do Mầm non Sở GD&ĐT triển khai tại quận và triển khai cho giáo viên tại trường.

1.1 Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng tại trường

Phối hợp chặt chẽ với y tế địa phương tổ chức tốt các hoạt động quản lý sức khỏe, phòng bệnh, phòng dịch theo yêu cầu quy định; Xây dựng kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho trẻ và CB-GV-NV; kế hoạch kiểm tra y tế học đường, xét nghiệm mẫu nước; Nhà trường phối hợp với Trạm y tế Phường 10 tổ chức khám sức khỏe, uống thuốc, tiêm ngừa phòng bệnh cho trẻ; Chỉ đạo từng bộ phận trong nhà trường vệ sinh, khử trùng bề mặt môi trường, đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh cá nhân. Thực hiện bản cam kết cơ sở đủ tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thực hiện tốt kiểm tra, giám sát công tác cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ; Tổ chức vận động hợp lý; Quản lý, thực hiện nhiều chế độ dinh dưỡng hợp lý giúp cải thiện hiệu quả tình trạng suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì ở trẻ và các yêu cầu về vệ sinh an toàn trong nhà trường để giúp từng cá nhân trẻ phát triển tâm vóc, trí tuệ tốt.

Thực hiện tổ chức học bán trú 100% và tổ chức cho trẻ ăn sáng tại trường theo nhu cầu đăng ký của phụ huynh. Thực hiện đầy đủ sổ sách bán trú, việc thỏa thuận các mức thu tiền ăn với phụ huynh đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng, nâng cao chất lượng bữa ăn và bổ sung sữa hàng ngày cho trẻ.

Đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế khẩu phần đủ năng lượng, đủ chất và cân đối các chất dinh dưỡng. Xây dựng kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm và trang bị dụng cụ phòng cháy, chữa cháy; Tổ chức tập huấn và sơ tán khi có sự cố cháy xảy ra trong trường mầm non 1 năm/lần.

*** Tiếp tục thực hiện củng cố chuyên đề “Tổ chức giờ ăn cho trẻ”:**

Dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ, văn hóa trong ăn uống.

Trẻ được làm quen với những đồ dùng khác nhau.

Khuyến khích giáo viên tạo không khí vui tươi, phấn khởi khi tổ chức giờ ăn cho trẻ. Tổ chức đa dạng hình thức tổ chức giờ ăn của trẻ

*** Đảm bảo chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng thông qua các hoạt động:**

Đảm bảo VSATTP tuyệt đối: ký kết hợp đồng thực phẩm an toàn với các cơ sở nằm trong chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn đã được công nhận của thành phố hoặc cơ sở đạt chứng nhận HACCP, ISO 22000:2005, VietGap, GlobalGap.

Đảm bảo chế độ tiết trùng đối với tất cả các đồ dùng dụng cụ tiếp xúc với thức ăn.

Đảm bảo vệ sinh trong thao tác của cấp dưỡng và thực hiện đúng quy trình bếp 1 chiều, thực hiện tốt quy trình tiếp phẩm, chế biến và lưu phẩm.

Xây dựng khẩu phần đủ năng lượng, đủ chất và cân đối các chất dinh dưỡng, xây dựng thực đơn hợp lý, phù hợp với phong tục tập quán.

Giám sát công tác cân, đo cho trẻ.

*** Các chỉ tiêu phấn đấu trong năm học:**

Đảm bảo khẩu phần ăn:

+ Nhà trẻ 12-36th đạt: 60 – 70% tại trường/ 600 - 651 Kcal/ngày

+ Mẫu giáo đạt: 50 – 55% tại trường/ 615 - 726 Kcal/ngày

- Trẻ được theo dõi cân nặng và chiều cao: 100%

Giảm tỉ lệ SDD thể nhẹ cân: 2/2 trong đó NT: 0 tỷ lệ: %; MG: 2/2 Tỷ lệ 100%

Giảm tỉ lệ SDD thể thấp còi: 4/11 trong đó NT: 1/4 tỷ lệ: 25%; MG: 3/7 Tỷ lệ 42.8%

Giảm tỷ lệ SDD thể còi: 2/2 trong đó NT: 0 tỷ lệ: %; MG: 2/2 tỷ lệ 100%

- Số trẻ DC-BP đầu năm học:

Số trẻ dư cân: 17 , trong đó: NT: 0, MG: 17.

Số trẻ béo phì: 9 , trong đó: NT: 0, MG: 9.

Phấn đấu cuối năm học: 90% Béo phì và dư cân tăng cân chậm.

- Tăng cân trong năm học: Nhà trẻ 98%, Mẫu giáo 100%

*** Chăm sóc sức khỏe, thực hiện phòng bệnh, phòng dịch:**

100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm và CB-GV-NV được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm.

Đảm bảo vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch, chăm sóc tốt về sức khỏe cho các cháu và đội ngũ CB-GV-NV trường (chú trọng sốt xuất huyết, tay chân miệng), giảm tỷ lệ đường hô hấp, tiêu hóa, cận thị, cong vẹo cột sống...

Ký hợp đồng với công ty TNHH diệt côn trùng Hưng Phát phun thuốc diệt muỗi định kỳ 2 tháng/lần (có thể hơn khi có dịch bệnh hoặc vào mùa mưa).

Thực hiện lịch vệ sinh trường, lớp theo định kỳ hàng tuần, hàng tháng.

Trang bị tủ thuốc và các dụng cụ sơ cấp cứu theo qui định.

* Thực hiện trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống bạo lực xâm hại trẻ em

Thực hiện Công văn số 1175/GDDT ngày 13/8/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình về công tác an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực xâm hại trẻ em.

Tăng cường công tác kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo vệ sinh, an toàn. Có kế hoạch bổ sung trang thiết bị cho sân chơi, nhà vệ sinh của trẻ (khô, thoáng, sạch, đẹp, an toàn, hợp lý, đáp ứng giáo dục kỹ năng vệ sinh theo yêu cầu chương trình); Phân công bảo vệ kiểm tra, và có kế hoạch bảo trì thường xuyên, định kỳ các đồ dùng, trang thiết bị để phát hiện ngay những chỗ không an toàn, ngăn chặn kịp thời các nguy cơ có thể gây tai nạn, thương tích, độc hại làm ảnh hưởng sức khỏe trẻ.

Thực hiện tốt việc tập huấn, xử lý bệnh tại chỗ trước khi chuyển trẻ. Thực hiện tốt việc kiểm tra sức khỏe trẻ đầu ngày giờ đón trẻ; Thực hiện đúng quy định việc cách ly, theo dõi trẻ bệnh. Nhân viên y tế: thực hiện quản lý, nhận và cho trẻ uống thuốc do phụ huynh gửi trong ngày theo quy định.

1.2 Biện pháp phòng chống BP-DC cho trẻ:

+ Thay đổi dần dần chế độ ăn uống cho trẻ:

Hạn chế tinh bột, tăng cường chất xơ, canh và trái cây cho trẻ béo phì dư cân, tăng cường rau xanh cho trẻ hàng ngày như: Rau cải, bí xanh, rau dền, mồng tơi....

+ Tăng cường cho trẻ thực hiện các bài tập thể lực sau thể dục sáng, giờ hoạt động ngoài trời, các bài tập trong lớp, Các cô giáo cho trẻ béo phì tham gia các hoạt động trong lớp như trực nhật, xếp ghế, phơi khăn phụ cô giáo.....

+ Tuyên truyền:

Giáo dục trẻ mọi lúc, mọi nơi cung cấp kiến thức để trẻ có ý thức tự phòng chống béo phì bằng cách lồng ghép nội dung giáo dục vào các hoạt động, tình huống, câu chuyện, tạo tác động tư tưởng giúp trẻ tự cảm nhận bằng sự so sánh trực quan cụ thể.

Trao đổi, tuyên truyền với phụ huynh về các chế độ ăn, tập thể dục của con ở nhà để cùng phối hợp với nhà trường để đạt hiệu quả cao nhất.

1.3 Biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ:

Lập danh sách thống kê trẻ SDD đầu năm, nắm bắt hoàn cảnh từng trẻ để có biện pháp cụ thể. Mời phụ huynh có trẻ SDD để trao đổi, tuyên truyền trực tiếp, tư vấn cho phụ huynh. Hướng dẫn cho phụ huynh cách xây dựng thực đơn cho trẻ SDD, chế độ ăn cho trẻ tại gia đình.

Tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập, lao động vừa sức trẻ, chú ý chế độ nghỉ ngơi thích hợp cho trẻ. Tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi ngoài trời, tắm nắng.

Thực hiện cân đo hàng tháng, vẽ đường biểu diễn cân nặng của trẻ theo tháng. Kiểm tra việc thực hiện và đánh giá kết quả đạt được hàng tháng. Tổ chức tốt bữa ăn trong ngày, không vi phạm tiêu chuẩn ăn của trẻ, có biện pháp nâng dần khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ ăn, bổ sung thêm bữa phụ cho trẻ SDD

Tổ chức học tập, sơ tổng kết, rút kinh nghiệm trong toàn trường.

2. Thực hiện chỉ đạo của Bộ, Sở, Phòng về tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ sở dữ liệu bậc học mầm non

Đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo định kỳ kịp thời, có chất lượng, thực hiện nghiêm túc Công văn số 4474/BGDDT-VP ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai thu thập thông tin, số liệu thống kê của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục khuyết tật đầu năm học 2018 - 2019 trên hệ thống báo cáo trực tuyến tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý. Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động nhà trường trên cổng thông tin điện tử được tích hợp trong cổng thông tin điện tử của Sở GD&ĐT.

3. Phát triển Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với văn hoá, điều kiện nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2016 - 2020” theo kế hoạch số 493/GDDT-MN; Thực hiện chuyên đề “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ”.

Thực hiện phát triển Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với địa bàn phường 10, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ; sử dụng phần mềm trong việc lập kế hoạch giáo dục. Tiếp tục giáo dục trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định và biết phân loại rác thải.

Tham dự hội thi giáo viên giỏi cấp Quận.

Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”:

- + Xây dựng môi trường hoạt động lấy trẻ làm trung tâm; đổi mới việc tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ;

- + Xây dựng kế hoạch giáo dục; đánh giá sự phát triển của trẻ; sự phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ và cộng đồng trong giáo dục lấy trẻ làm trung tâm...

- + Nâng cao năng lực đội ngũ trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, tăng cường cơ hội thực hành, trải nghiệm, phát triển toàn diện cho trẻ.

Tham dự chuyên đề “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ” do Tổ MN tổ chức tại trường Mầm non 11, Mầm non 14. Triển khai và thực hiện tại Lớp Chồi 1 (cô Hoa Phượng), Lá 2 (cô Ngọc Dung) và thực hiện đại trà tại 100% lớp Mẫu giáo.

Tham dự chuyên đề “Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết cho trẻ mầm non” do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại trường MN Tuổi Xanh Triển khai và thực hiện tại Lớp Lá 1 (cô Mộng Thùy), Lá 2 (cô Lý) và thực hiện đại trà tại 100% lớp Mẫu giáo.

3.1 Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và các chuyên đề trong năm học

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chú trọng đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, đảm bảo đủ về cơ cấu, số lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ.

Sử dụng Bộ Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi vào hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục, chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp Một; Tăng cường công tác tuyên truyền Bộ Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, thực hiện việc đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi.

Tiếp tục đổi mới trang thiết bị giáo dục theo hướng khuyến khích trẻ học tích cực và đa dạng, chú trọng tính an toàn, vệ sinh và thẩm mỹ. Rà soát và bổ sung đầy đủ trang thiết bị cho các nhóm – lớp theo quyết định 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu dành cho Giáo dục mầm non.

Tiếp tục thực hiện tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh cho trẻ 5 tuổi theo Đề án 448 – Trẻ mầm non 5 tuổi làm quen Tiếng Anh.

Phối hợp với công ty năng khiếu Khánh An tổ chức các lớp năng khiếu như vẽ, nhíp diều.

Tổ chức dạy các chương trình kỹ năng sống tăng cường giáo dục kiến thức, giá trị sống đã được Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo Công văn số 2125/GDDT-CTTT ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về tiếp tục nâng cao giáo dục kỹ năng sống trong trường học.

Động viên, khuyến khích CBQL - GV tích cực tham gia hưởng ứng các lớp bồi dưỡng chuyên đề do các trường, khoa Sư phạm mầm non Thành phố Hồ Chí Minh và Sở - Phòng GD&ĐT tổ chức, qua đó giúp đội ngũ giáo viên nắm bắt, cập nhật được nhiều kiến thức mới trong việc thực hiện chương trình và vận dụng linh hoạt, hiệu quả giáo dục trên trẻ.

3.2 Tiếp tục củng cố các chuyên đề đã triển khai thực hiện:

+ Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” linh hoạt, sáng tạo trong việc xây dựng môi trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động phù hợp với từng cá nhân trẻ; nâng cao chất lượng ở khối Chồi – Lá.

+ Chuyên đề “Đổi mới tổ chức hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non” vận dụng linh hoạt trong mọi thời điểm thích hợp để phát triển nhận thức cho trẻ; Lớp thực hiện: cô Vinh – Mầm 1, cô Trịnh Nguyệt – Mầm 1, cô Diêu – Lá 2.

+ Chuyên đề “Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non” chú ý hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở mọi lúc mọi nơi, trong mọi hoạt động thích hợp; Lớp thực hiện: cô Ánh Hồng – 25-36th, cô Sơn – Mầm 2.

+ Chuyên đề “Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ” tạo cơ hội cho trẻ phát triển các giác quan với cấp độ tăng dần theo lứa tuổi qua trải nghiệm, qua hoạt động thực tế và bằng việc tương tác, thay đổi bản thân để phù

hợp với môi trường sống. Lớp thực hiện: cô My – Chồi 1, cô Dung – Lá 2, cô Vân Anh – Lá 1.

+ Chuyên đề “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ” xây dựng phòng Kỹ năng sống được trang bị các dụng cụ nhà bếp, tận dụng điều kiện thực tế tại trường, địa phương tạo cơ hội cho trẻ được thực hành, trải nghiệm. Lớp thực hiện: cô Lành – Mầm 1, cô Oanh – Chồi 2, cô Tạ Mai – Lá 1.

+ Chuyên đề “Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và nổi mạng nội bộ quản lý kế hoạch” 100% nhóm-lớp thực hiện.

+ Chuyên đề “Đổi mới tổ chức hoạt động tạo hình trong trường mầm non”: đa dạng các nguyên vật liệu, khơi gợi sáng tạo của trẻ khi tham gia tạo hình, tạo điều kiện cho trẻ tham gia trang trí môi trường và các hoạt động lễ hội 100% nhóm-lớp thực hiện.

+ Chuyên đề “Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc trong trường mầm non”: bổ sung các dụng cụ gõ và trang phục. Lớp thực hiện cô Loan – Chồi 2.

+ Chuyên đề “Đánh giá giáo viên tổ chức hoạt động vui chơi”: bố trí các góc chơi phù hợp, tận dụng các sản phẩm của trẻ để xây dựng môi trường hoạt động trong lớp, chuẩn bị đa dạng các nguyên vật liệu, đồ chơi cho trẻ hoạt động. Lớp thực hiện cô Phùng Mai – 25-36th,

Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, tìm kiếm, truy cập các thông tin tham khảo, chia sẻ trên mạng và chọn lựa để vận dụng bằng tương tác vào việc tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi cho trẻ; khuyến khích CBQL - GV tích cực sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ; sử dụng có hiệu quả bằng tương tác trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường 10 và các ban ngành đoàn thể tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ chuyên môn nâng chất lượng hoạt động các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập trên địa bàn

Tiếp tục hướng dẫn 9 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập xây dựng kế hoạch năm học; triển khai các chuyên đề do tổ mầm non tổ chức; tổ chức thảo luận chuyên môn; tham quan thực tế tạo điều kiện nâng chất lượng hoạt động, giúp các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập nắm bắt và thực hiện đồng bộ, kịp thời mọi chỉ đạo về chuyên môn.

Tham gia đoàn kiểm tra của UBND P10 kiểm tra hoạt động các nhóm, lớp ngoài công lập.

5 Tăng cường bồi dưỡng quy tắc ứng xử, đạo đức nhà giáo cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhân viên nhà trường.

Thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

Triển khai thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng bộ quy tắc ứng xử tại nhà trường.

Tiếp tục bồi dưỡng tập huấn nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ cho giáo viên, nhân viên.

6. Tiếp tục làm tốt công tác phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ, cộng đồng và tuyên truyền về đổi mới giáo dục mầm non.

- Thực hiện chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo tăng cường các biện pháp tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển về thể chất; phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì; tuyên truyền sâu rộng đến cha mẹ trẻ hưởng ứng cuộc vận động *"Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì thành phố sạch và giảm ngập nước"*.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh các trường; thực hiện tốt các công trình xã hội hóa giáo dục.

- Nâng cao chất lượng các góc tuyên truyền tại nhóm, lớp, đảm bảo phong phú về nội dung, hấp dẫn về hình thức, phù hợp với nhận thức của các bậc cha mẹ.

7. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Thực hiện tuyển sinh đúng theo quy định.

Phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường 10 huy động trẻ ra lớp.

Tiếp tục rà soát, mua sắm, bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đa dạng, phù hợp với yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Thực hiện tốt chất lượng giảng dạy các lớp 5 tuổi đảm bảo kỹ năng, kiến thức, tâm thế cho trẻ vào học lớp Một. Phân công, bố trí đảm bảo 2 giáo viên/lớp; tạo điều kiện cho giáo viên lớp mẫu giáo 5 tuổi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả, chất lượng thực hiện chương trình GDMN

Tiếp tục cập nhật số liệu, thực hiện báo cáo dữ liệu phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi trên hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục.

8. Đẩy mạnh công tác phát hiện chẩn đoán, can thiệp sớm và xây dựng kế hoạch cá nhân cho trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường mầm non (nếu có)

Tiến hành rà soát đầu năm học, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

9. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Tiếp tục thực hiện các chế độ chính sách đặc thù của thành phố (Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014; Nghị quyết 113/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016; Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017); Thực hiện Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về các chính sách đối với giáo viên mầm non.

Thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên mầm non đảm bảo về số lượng và chất lượng. Nâng cao vai trò của cán bộ quản lý trong việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, nắm vững và triển khai có hiệu quả các văn bản quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non;

Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo tài liệu Bộ.

Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá giáo viên mầm non theo chuẩn nghề nghiệp và đánh giá cán bộ quản lý theo chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non.

Cử giáo viên, nhân viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức để nâng cao năng lực thực hành sư phạm, phẩm chất đạo đức, chính trị (các khóa Đại học mầm non, nâng chuẩn trình độ đào tạo cho giáo viên; lớp Trung cấp lý luận chính trị ...).

Phân công giao việc để bồi dưỡng lực lượng kế cận.

- **Công tác chính trị tư tưởng:**

Tiếp tục làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, xây dựng bầu không khí thân thiện trong nhà trường, phát huy Quy chế Dân chủ, công khai thống nhất trong việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định của Nhà nước; 100% CB-GV-CNV đăng ký thực hiện tốt cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với việc làm hàng ngày.

Tạo mọi điều kiện chuẩn hóa trình độ đội ngũ theo yêu cầu. Năm học 2019-2020 trường có 4/16 giáo viên tham gia học lớp trung cấp chính trị đạt 25% vào các ngày các buổi tối 2,4, 6 trong tuần

+ Giáo viên đạt trung cấp chính trị 8/16 - tỉ lệ 50%

+ Giáo viên là đảng viên 8/16 - tỉ lệ 50%.

Tổ chức thực hiện tốt Kỷ cương - Tình thương – Trách nhiệm và phong trào “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương về đạo đức và tự học”.

Tuyên truyền vận động công khai các văn bản vi phạm pháp luật cho đội ngũ nắm bắt để hiểu và chấp hành

Luật giáo dục năm 2019;

Nghị định 06/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 quy định về chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non;

Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 quyết định phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 – 2025;

Thông tư 16/2018/TT-BGDDT ngày 03 tháng 8 năm 2018 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thông tư 06/2019/TT-BGDDT ngày 12 tháng 4 năm 2019 quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành uỷ về thực hiện cuộc vận động, "*Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì thành phố sạch và giảm ngập nước*".

Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

*** Chỉ tiêu phần đầu**

CB – GV – CNV không vi phạm đạo đức nhà giáo: 100%

CB – GV – CNV thực hiện tốt cuộc vận động, Điều lệ trường MN: 100%

100% GV đăng ký thực hành tu dưỡng, rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo có hiệu quả Chỉ thị 05-CT/TW học tập và làm theo tấm gương Bác.

Giới thiệu lực lượng kế cận về Ngành: 02 người là giáo viên trẻ.

10. Công tác kiểm tra

Xây dựng kế hoạch kiểm tra dựa vào kế hoạch của phòng GD&ĐT quận Tân Bình;

Thành lập Ban kiểm tra nội bộ nhà trường; Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giáo dục, nâng cao vai trò, trách nhiệm công tác tự kiểm tra trong nhà trường trên tất cả lĩnh vực;

Phối hợp với Công đoàn cùng tổ chức hoạt động, phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

Ban giám hiệu tăng cường kiểm tra dự giờ theo kế hoạch, dự giờ đột xuất kịp thời chấn chỉnh những tồn tại trong hoạt động, xây dựng kế hoạch kiểm tra từ nhóm lớp, tổ khối theo quy định, công tác kiểm tra chéo, qua đó hướng dẫn bồi dưỡng, rút kinh nghiệm. Tăng cường hình thức dự giờ, tham quan học tập trường bạn để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động.

Phối hợp với UBND phường 10 kiểm tra 100% nhóm/ lớp ngoài công lập.

*** Chỉ tiêu:**

Kiểm tra thực hiện các chuyên đề, các hoạt động, đạt tỉ lệ 100% giáo viên được kiểm tra.

Kiểm tra các bộ phận theo định kỳ, tối thiểu 2 lần/năm học.

Kiểm tra tài chính hàng tháng định kỳ và đột xuất.

Nghiêm túc thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản công theo đúng quy định pháp luật.

11. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục

Tiếp tục tự đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục của trường năm học 2019-2020. Kiểm tra, rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ minh chứng và báo cáo tự đánh giá công tác Kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư 19. Cập nhật dữ liệu vào phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2019-2020.

12. Thực hiện cải cách hành chính

Đổi mới phong cách làm việc khoa học, hiệu quả, giảm tải.

Đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo định kỳ kịp thời, có chất lượng, thực hiện nghiêm túc Công văn số 4474/BGDDT-VP ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thu thập thông tin, số liệu thống kê của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục khuyết tật đầu năm học 2018 – 2019 trên hệ thống báo cáo trực tuyến tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý. Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động nhà trường trên cổng thông tin điện tử được tích hợp trong cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, chính xác, có chất lượng.

Tăng cường sử dụng các phần mềm, ứng dụng CNTT vào quản lý văn bản, báo cáo hành chính qua điện tử; thực hiện phần mềm Smast, Pmix.

Tiếp tục giao việc cho bộ phận văn thư hành chính để thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo, thực hiện các văn bản báo cáo đúng theo hướng dẫn Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/1/2011 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Phân công văn thư cập nhật trang web của Phòng GD ít nhất 2 lần/ ngày

Luôn quan tâm nâng cấp hệ thống đường truyền để đảm bảo việc thực hiện các công tác về công nghệ thông tin được diễn ra liên tục.

13. Công tác cơ sở vật chất – tài chính

Triển khai Thông tư số: 36/2017/TT-BGDDT ngày 28/12/2017 về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ giáo dục đào tạo (công khai tài chính; công khai điều kiện cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục; công khai chất lượng giáo dục) và 4 kiểm tra (kiểm tra tài chính; kiểm tra chất lượng giáo dục; kiểm tra các khoản thu; kiểm tra ngân sách và quy chế chi tiêu nội bộ).

Sử dụng, thu chi các nguồn kinh phí ngân sách, các nguồn thu hộ chi hộ đúng mục đích, công khai, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng nguyên tắc tài chính.

Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Quy chế quản lý tài sản công, Quy chế công khai. Thực hiện nghiêm túc Quy chế chi tiêu nội bộ – Quy chế dân chủ trong nhà trường.

Tuyên truyền giáo viên nêu cao tinh thần tiết kiệm bảo quản tài sản, thực hiện xã hội hóa, có kế hoạch sửa chữa bổ sung trang thiết bị, đề xuất xin kinh phí từ nguồn ngân sách để cải tạo sửa chữa kịp thời, trang bị bổ sung cơ sở vật chất trường ngày một đầy đủ, khang trang.

14. Công tác thi đua

Thực hiện theo Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng.

Tiếp tục giữ vững, phát huy các danh hiệu đã đạt và bồi dưỡng, xây dựng các nhân tố mới. Nêu gương người tốt việc tốt, nhân rộng cá nhân điển hình. Bình xét công nhân từ tổ khối.

Thực hiện viết sáng kiến kinh nghiệm – đề ra các giải pháp để xây dựng chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

Đẩy mạnh phong trào thi đua từng cá nhân, tổ nhóm. Phát động thi đua các đợt trong năm học.

*** Chỉ tiêu**

+ Chính quyền:

Trường đạt danh hiệu “Trường Tiên tiến Xuất sắc cấp Thành phố”.

+ Cá nhân:

Lao động tiên tiến : 27/27 (Tỷ lệ 100%)

Chiến sĩ thi đua cơ sở : 03/27(Tỷ lệ 11,1%)

Bằng khen UBND Thành phố: 01

Giáo viên Giỏi Cấp Trường: 16/16 (Tỷ lệ 100%)

Sáng kiến KN cấp Quận : 03/16 (Tỷ lệ 18,8 %)

*** Đoàn thể :**

Chi bộ: Đạt Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công đoàn: Đạt Công đoàn Vững mạnh xuất sắc

Chi đoàn: Đạt Chi đoàn Mạnh

Đạt Tốt kiểm tra Vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đạt Xuất sắc kiểm tra Y tế học đường.

Đạt chuẩn Đơn vị văn hoá.

15. Công tác tham mưu – Phối, kết hợp

15.1. Tham mưu với Ban lãnh đạo

Tham mưu với Ban lãnh đạo ngành cải tạo, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất trường, mua sắm bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đa dạng, phù hợp với yêu cầu thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non góp phần cải tạo môi trường sư phạm mầm non ngày càng thêm kang trang sạch đẹp, đầy đủ các phương tiện phục vụ, đảm bảo vệ sinh an toàn.

15.2. Với Ban đại diện Cha Mẹ học sinh

Xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội Cha mẹ học sinh năm học 2019-2020 dự kiến vào tháng 9/2019.

Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Điều lệ hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh và công khai các khoản tài trợ (nếu có).

Thường xuyên phối hợp với ban đại diện Cha mẹ học sinh, lắng nghe ý kiến đóng góp, hỗ trợ trong hoạt động nhà trường.

Tham gia các buổi họp định kỳ của Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường, tham mưu trong thực hiện thu chi đảm bảo phù hợp với yêu cầu kế hoạch năm học.

Tăng cường công tác tuyên truyền đến phụ huynh về vai trò trách nhiệm của gia đình đối với sự phát triển của trẻ qua bản tin, trao đổi trực tiếp...

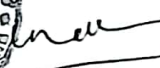
15.3. Công tác phối hợp khác :

Phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thông báo kế hoạch tuyển sinh, phổ cập trẻ 5 tuổi đến các tổ dân phố và kiểm tra các nhóm, lớp ngoài công lập.

Phối hợp với công an phường 10 đảm bảo an ninh trật tự và trạm y tế phường 10 chăm sóc sức khỏe cho trẻ./

Nơi nhận:

- Phòng GDDT QTB;
- Tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

 **HIỆU TRƯỞNG**

Lê Thị Minh Nguyệt

Đã xem và góp ý 
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Xuân

NHỮNG CHỈ TIÊU TRỌNG TÂM - NĂM HỌC 2019 - 2020

1. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường:
 - Nhà trẻ: 45%
 - Mẫu giáo: 95 - 97%
 - Riêng trẻ 5 tuổi: 97.5%
2. Tỷ lệ học sinh học bán trú và 2 buổi/ngày: 100%.
3. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi và nhẹ cân còn dưới 1%.
4. 100% trẻ dư cân - béo phì có chế độ dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động.
5. 100% các các nhóm lớp nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.
6. Đảm bảo an toàn cho trẻ tại trường. Phần đầu không để xảy ra dịch bệnh, ngộ độc và tai nạn thương tích cho trẻ tại trường
7. 100% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; 100% cán bộ quản lý được đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng.
8. 100% các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện chương trình./.


Hiệu trưởng
TRƯỜNG
MẦM NON
10 A
Lê Thị Minh Nguyệt

**KẾ HOẠCH CHUYÊN MÔN
NĂM HỌC 2019-2020**

Tháng	Nội dung chính
Tháng 6,7,8/2019	- Tổ chức hoạt động hè. - Tham dự tổ chức hội nghị tổng kết năm học 2018 – 2019 tại Phòng Giáo dục và Đào tạo. - Tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn hè của Phòng Giáo dục và Đào tạo. - Chuẩn bị năm học 2019 - 2020.
Tháng 9/2019	- Tổ chức “Ngày hội trẻ đến trường” - Tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”. - Báo cáo nhanh đầu năm cho Phòng Giáo dục và Đào tạo (theo yêu cầu). - Xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch thực hiện các chuyên đề về chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. - Xây dựng và tổ chức ký kết phương án đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy - Tổ chức một số hoạt động hưởng ứng “Tháng an toàn giao thông”. - Thành lập Ban sức khỏe trường học năm học 2019-2020. - Tổ chức khám sức khỏe, tẩy giun lần 1 cho trẻ và đội ngũ CB-GV-CNV (từ tháng 9 đến tháng 12/2019 theo kế hoạch hợp đồng với Trạm Y tế Phường 10 - Y tế quận). Thông báo tình hình khám sức khỏe của trẻ với gia đình và tổ chức khám vết cho các cháu. - Chuẩn bị đón đoàn kiểm tra Đơn vị văn hóa Quận về kiểm tra. - Tham khảo ý kiến phụ huynh về các mức thu năm học 2019 – 2020. - Tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh năm học 2019 – 2020.
Tháng 10/2019	- Tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Quận năm học 2019-2020. - Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (kế hoạch 446/KH- BGDDT ngày 29 tháng 5 năm 2019). - Tổ chức cân đo, phân loại tình trạng dinh dưỡng của trẻ (suy dinh dưỡng/cân nặng, suy dinh dưỡng/chiều cao, thừa cân - béo phì); - Kiểm tra các nhóm, lớp ngoài công lập đầu năm học. - Tổ chức các lớp hoạt động ngoại khóa: vẽ, nhíp điệu, anh văn, kỹ năng sống. - Tổ chức Hội nghị CC-VC. - Kiểm tra hoạt động sư phạm cô Dương Thị Ánh Hồng. - Chuẩn bị hồ sơ đón đoàn kiểm tra công tác an toàn thực phẩm trong trường học.
Tháng 11/2019	- Chuẩn bị đón Phòng Giáo dục kiểm tra công tác đảm bảo an toàn cho trẻ trong trường mầm non.

	- Kiểm tra chuyên đề “Đổi mới tổ chức HDGD phát triển nhận thức” cô Nguyễn Thị Vinh; “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ” cô Châu Thị Hoàng Oanh. - Tham dự chuyên đề “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ” tại trường Mầm non 11, Mầm non 14 và triển khai thực hiện tại trường. - Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11;
Tháng 12/2019	- Kiểm tra chuyên đề “Tổ chức hoạt động phát triển TC và KNXH cho trẻ” cô Trần Dạ Nữ Tô My, “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ” cô Đỗ Thị Lành, “Đánh giá giáo viên tổ chức HĐVC” cô Phùng Ngọc Mai. - Kiểm tra Hoạt động sư phạm cô Phùng Ngọc Mai - Châm thi tay nghề cấp dưỡng. - Phối hợp với ngành Y tế tuyên truyền và tổ chức cho trẻ uống ngừa vitamin A tại trường theo chiến dịch. - Tổ chức cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ Học kỳ I. - Báo cáo số liệu và báo cáo sơ kết Học kỳ I.
Tháng 01/2020	- Xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; năm học 2019-2020 và đón quận kiểm tra xác suất để công nhận kết quả + xác minh giáo viên giỏi. - Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường năm học 2019-2020. - Kiểm tra chuyên đề “Đổi mới tổ chức HDGD phát triển nhận thức” cô Trịnh Thị Nguyệt - Kiểm tra Hoạt động sư phạm cô Trịnh Thị Nguyệt - Phối hợp UBND Phường 10 kiểm tra hoạt động 100% nhóm, lớp ngoài công lập. - Tham gia hội thi Aerobic Mầm non lần 2 năm học 2019-2020. - Tham dự sơ kết tình hình hoạt động chuyên môn bậc học mầm non Học kỳ I năm học 2018-2019.
Tháng 02/2020	- Tổ chức khám sức khỏe, tẩy giun lần 2 cho trẻ (từ tháng 02 đến tháng 4/2019 theo kế hoạch hợp đồng với Trạm Y tế phường 10 - Y tế quận). Thông báo tình hình khám sức khỏe của trẻ với gia đình và tổ chức khám vết cho các cháu. - Tiếp tục tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường năm học 2019-2020 và đón quận kiểm tra xác suất để công nhận kết quả + xác minh giáo viên giỏi. - Kiểm tra chuyên đề “Tổ chức hoạt động phát triển TC và KNXH cho trẻ” cô Lê Thị Vân Anh, “Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ” cô Lê Thị Kim Sơn.
Tháng 3/2020	- Hướng ứng tháng “Hành động vì chất lượng VSATTP và Phòng chống cháy nổ”.

	- Kiểm tra chuyên đề “Đổi mới tổ chức giáo dục âm nhạc” cô Nguyễn Thị Loan, “Đổi mới tổ chức HDGD phát triển nhận thức” cô Lê Thị Diệu, “Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ nhà trẻ” cô Phùng Ngọc Mai, “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ” Cô Bùi Thị Hoa Phượng, cô Nguyễn Thụy Ngọc Dung - Kiểm tra Hoạt động sư phạm cô Nguyễn Thị Loan - Tiếp tục tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường năm học 2019-2020. - Chuẩn bị đón Phòng Giáo dục kiểm tra thực hiện các chuyên đề kết hợp xác minh giáo viên đăng ký CSTĐCS.
Tháng 4/2020	- Tham dự bồi dưỡng chuyên đề “Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết cho trẻ mầm non” tại trường Mầm non Tuổi Xanh. - Báo cáo số liệu; báo cáo tình hình thực hiện chương trình; báo cáo kết quả thực hiện các chuyên đề trong năm học. - Tổ chức cân đo, phân loại, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ Học kỳ II. - Kiểm tra chuyên đề “Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết cho trẻ mầm non” cô Phạm Thị Mộng Thùy, cô Nguyễn Thị Ngọc Lý, cô Tạ Ngọc Mai - Kiểm tra hoạt động sư phạm cô Phạm Thị Mộng Thùy, cô Tạ Ngọc Mai
Tháng 5/2020	- Phối hợp với Trạm Y tế Phường 10 tuyên truyền ngày Vi chất dinh dưỡng (ngày 01+02/6/2020) và tổ chức cho trẻ uống Vitamin A tại trường theo chiến dịch. - Bình xét thi đua cuối năm. - Thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn Hiệu trưởng - Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động chuyên môn NH 2019-2020. - Tham dự rút kinh nghiệm chỉ đạo chuyên môn Nuôi - Dạy trong năm học; định hướng nội dung bồi dưỡng chuyên môn hè 2020 và hoạt động chuyên môn năm học 2020-2021 do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức - Tổng kết năm học (dự kiến ngày 27/5/2020 đến ngày 31/5/2020).
Tháng 6, 7, 8/2020	- Tổ chức hoạt động hè năm 2020; - Tham dự bồi dưỡng chuyên môn hè 2020 tại Phòng GD&ĐT; Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nội dung, tài liệu bồi dưỡng chuyên môn hè; nội dung rút kinh nghiệm hoạt động chuyên môn tại trường; - Tham dự tổ chức hội nghị tổng kết năm học 2019 – 2020 tại Phòng GD&ĐT. - Tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn hè của Phòng Giáo dục và Đào tạo; - Chuẩn bị năm học 2020 - 2021.